

Bản án số: 133/2024/DS – ST

Ngày: 27/6/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thanh Nga

2. Bà Đinh Kim Hoàng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Tạ Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 354/2023/TLST – DS ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 546/2024/QĐST – DS ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 547/2024/QĐXXST – DS ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T2 (VIỆT NAM).

Trụ sở: Số 1 P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Công ty L (gọi tắt Công ty L1). Địa chỉ: P, Tầng D, Tòa nhà số: 7 T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lâm Thị Thùy D – Nhân viên pháp lý công ty L1. “Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

Bị đơn: Bà Lý Minh T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số B T, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty T2 (VIỆT NAM) có bà Lâm Thị Thùy D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 29/6/2022 Công ty T2 (VIỆT NAM), (sau đây gọi tắt là Công ty T2) ký Hợp đồng tín dụng số: 3326530 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà Lý Minh T với khoản vay trị giá 21.320.000 (hai mươi một triệu, ba trăm hai mươi nghìn) đồng, lãi suất 44%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T2 đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Lý Minh T. Theo nội dung Hợp đồng tín dụng, bà Lý Minh T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T2 trong kỳ hạn 35 tháng kể từ ngày 15/7/2022 đến ngày 15/5/2025. Tuy nhiên sau khi được giải ngân bà Lý Minh T chỉ thanh toán cho Công ty T2 (ba) kỳ với tổng số tiền là 3.270.602 (ba triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm lẻ hai) đồng, từ ngày 17/9/2022 cho đến nay bà Lý Minh T đã ngưng không thanh toán nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà Công ty T2

đã giải ngân. Công ty T2 đã thông báo trực tiếp, liên hệ qua điện thoại và đồng thời cũng gửi thư đề nghị bà Lý Minh T thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng bà Lý Minh T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho Công ty T2. Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng bà Lý Minh T vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký, nên Công ty T2 đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc bà Lý Minh T phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T2 tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu tạm tính đến ngày 24/8/2023 là 28.895.766 (hai mươi tám triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, bảy trăm sáu mươi sáu) đồng. Và buộc bà Lý Minh T phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 25/8/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Công ty T2 vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn bà Lý Minh T phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T2 tổng số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu, tạm tính đến 27/6/2024 là: 38.541.250 (ba mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm năm mươi nghìn) đồng. Trong đó gồm: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 20.032.905 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi phát sinh trong hạn) là: 12.055.178 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi quá hạn) là: 5.293.389 đồng; Số tiền lãi chậm trả là: 1.159.778 đồng. Và buộc bà Lý Minh T phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 28/6/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Lý Minh T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập lấy lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải, Giấy triệu tập hòa giải đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên không có lời khai và yêu cầu của bị đơn thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như đã trình bày nêu trên. Bị đơn bà Lý Minh T đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất, Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2016. Trong quá trình giải quyết Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định tại các Điều 170, Điều 171 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; thực hiện đúng về thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tiến hành theo đúng quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ nguyên tắc xét xử về phiên tòa sơ thẩm được quy định tại Điều 222, Điều 223 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số: 3326530 ký ngày 29/6/2022 về việc Công ty T2 (VIỆT NAM) cấp tín dụng cho bà Lý Minh T với khoản vay trị giá 21.320.000 (hai mươi một triệu, ba trăm hai mươi nghìn) đồng, lãi

suất 44%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T2 đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Lý Minh T. Theo Hợp đồng tín dụng, bà Lý Minh T có nghĩa vụ thanh toán trong kỳ hạn 35 tháng kể từ ngày 15/7/2022 đến ngày 15/5/2025. Tuy nhiên tính đến nay bà Lý Minh T chỉ thanh toán cho Công ty T2 được 03 (ba) kỳ với tổng số tiền là 3.270.602 (ba triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm lẻ hai) đồng. Từ ngày 17/9/2022 đến nay bà Lý Minh T đã không thanh toán theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay đã giải ngân. Tạm tính đến 27/6/2024 bà Lý Minh T còn nợ lại Công ty T2 tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 38.541.250 (ba mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm năm mươi nghìn) đồng. Xét, việc thỏa thuận giữa các bên đương sự tại Hợp đồng tín dụng ngày 29/6/2022 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lý Minh T phải thanh toán ngay tổng số tiền nợ gốc và lãi nêu trên là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 (VIỆT NAM) và buộc bị đơn bà Lý Minh T phải trả hết tổng số tiền nợ còn thiếu của Hợp đồng tín dụng và chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét, Công ty T2 (VIỆT NAM) khởi kiện yêu cầu bà Lý Minh T phải thanh toán ngay tổng số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu của Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 29/6/2022, như vậy có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Mặt khác, tại thời điểm thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an P, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 27/02/2024 thì kết quả như sau: “Bà Lý Minh T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số B T, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2007 gia đình bán nhà về tạm trú tại địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh”. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/4/2024 thì kết quả trả lời như sau: “Qua rà soát nhân khẩu tại địa phương thì bà Lý Minh T không có đăng ký thường trú, tạm trú và cũng không thực tế cư ngụ tại địa phương”. Do bị đơn bà Lý Minh T vẫn còn hộ khẩu thường trú tại Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh và đương sự không có nơi cư trú nào khác. Mặt khác, tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng thì bà T đã cung cấp giấy tờ tùy thân và thông tin cá nhân cho Công ty T2 (VIỆT NAM), tất cả tài liệu chứng cứ đều thể hiện nơi cư trú của bà Lý Minh T ở Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016 thì đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thời hiệu khởi kiện: Căn cứ theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017 thì nguyên đơn Công ty T2 (VIỆT NAM) còn thời hiệu khởi kiện.

- Thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà **Lý Minh T** không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không nộp bất cứ tài liệu chứng cứ nào có liên quan đến vụ kiện. Vì vậy, Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ như: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập lấy lời khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 11/6/2024 nhưng bà **T** vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do bị đơn bà **Lý Minh T** vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất nên Tòa án phải hoãn phiên tòa, không tiến hành xét xử được vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn **Công ty T2** (VIỆT NAM) vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên. Bị đơn bà **Lý Minh T** đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất, Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà **T** vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016 nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Xét, nguyên đơn **Công ty T2** (VIỆT NAM) không yêu cầu triệu tập ai khác tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án mà chỉ yêu cầu một mình bà **Lý Minh T** phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, là tự nguyện và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2]. Về nội dung:

- Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn **Công ty T2** (VIỆT NAM), (gọi tắt là: **Công ty T2**) khởi kiện và yêu cầu bị đơn bà **Lý Minh T** phải thanh toán cho **Công ty T2** tổng số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu tạm tính đến ngày 27/6/2024 là 38.541.250 (ba mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm năm mươi nghìn) đồng, (Trong đó gồm: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 20.032.905 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi phát sinh trong hạn) là: 12.055.178 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi quá hạn) là: 5.293.389 đồng; Số tiền lãi chậm trả là: 1.159.778 đồng) của Hợp đồng tín dụng số: 3326530 ngày 29/6/2022. Và buộc bà **Lý Minh T** phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 28/6/2024 cho đến khi trả hết khoản nợ tín dụng còn thiếu cho **Công ty T2** theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số: 3326530 ngày 29/6/2022.

Xét, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định: Bà **Lý Minh T** có ký Hợp đồng tín dụng số: 3326530 ngày 29/6/2022 với **Công ty T2** để vay số tiền 21.320.000 (hai mươi một triệu, ba trăm hai mươi nghìn) đồng. Sau khi ký kết, **Công ty T2** đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà **Lý Minh T**. Theo Hợp đồng tín dụng, bà **Lý Minh T** có nghĩa vụ thanh toán cho **Công ty T2** trong kỳ hạn 35 tháng kể từ ngày 15/7/2022 đến ngày 15/5/2025. Tuy nhiên sau khi được giải ngân bà **Lý Minh T** chỉ thanh toán cho **Công ty T2** được 03 (ba) kỳ với tổng số tiền là 3.270.602 (ba triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm lẻ hai) đồng. Từ ngày 17/9/2022 cho đến nay bà **Lý Minh T** đã không thanh toán theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay đã giải ngân. Tạm tính đến 27/6/2024 thì bà **Lý Minh T** còn nợ lại **Công ty T2** tổng số tiền nợ gốc và lãi là:

38.541.250 (ba mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm năm mươi nghìn) đồng. (Trong đó gồm: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 20.032.905 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi phát sinh trong hạn) là: 12.055.178 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi quá hạn) là: 5.293.389 đồng; Số tiền lãi chậm trả là: 1.159.778 đồng). Xét, theo nội dung hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có quy định: Lãi trong hạn = Tổng số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ (tính đến thời điểm tính lãi); Lãi quá hạn quy định tại khoản 8.3 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng; Số tiền lãi quá hạn từng kỳ = $150\% \times \text{Lãi suất} \% \times \text{Số tiền gốc chưa trả mỗi kỳ} \times \text{Số ngày quá hạn} : 365 \text{ ngày}$; Số tiền lãi quá hạn = Tổng số tiền lãi quá hạn từng kỳ (tính đến thời điểm tính lãi); Lãi chậm trả quy định tại khoản 8.3 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng; Số tiền lãi chậm trả từng kỳ = $10\% \times \text{Số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ} \times \text{Số ngày quá hạn} : 365 \text{ ngày}$; Số tiền lãi chậm trả = Tổng số tiền lãi chậm trả từng kỳ (tính đến thời điểm tính lãi). Cách tính lãi trên được căn cứ tại Điều 8.3 Hợp đồng tín dụng và phù hợp với khoản 2 Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng và khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 của Thông tư 39/2016/TT – N về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Việc thỏa thuận giữa các bên đương sự tại Hợp đồng tín dụng ngày 29/6/2022 là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Do bà Lý Minh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Công ty T2 khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lý Minh T phải thanh toán cho Công ty T2 tổng số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu như đã nêu trên và buộc bà T phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 28/6/2024 cho đến khi trả hết nợ vay còn thiếu cho Công ty T2 theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng ngày 29/6/2022 là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

- Về thời hạn thanh toán: Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định sau khi được giải ngân theo hợp đồng tín dụng thì bà Lý Minh T chỉ trả cho Công ty T2 được 03 kỳ với tổng số tiền 3.270.602 (ba triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm lẻ hai) đồng. Từ ngày 17/9/2022 cho đến nay bà Lý Minh T đã không thanh toán theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay đã giải ngân. Như vậy, bà Lý Minh T đã vi phạm nghĩa vụ và thời hạn thanh toán nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy buộc bà Lý Minh T phải có nghĩa vụ thanh toán ngay cho Công ty T2 tổng số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016; Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 (VIỆT NAM) được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty T2 (VIỆT NAM) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 723.000 (bảy trăm hai mươi ba nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0042747 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn bà **Lý Minh T** phải trả cho nguyên đơn **Công ty T2** (VIỆT NAM) tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/6/2024 là: 38.541.250 (ba mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm năm mươi nghìn) đồng, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên tổng số tiền nợ phải trả, cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà **Lý Minh T1** phải chịu là: $5\% \times 38.541.250 \text{ đồng} = 1.927.063$ (một triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm sáu mươi ba) đồng.

[4]. Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

- Căn cứ vào Điều 280, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ vào Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty T2** (VIỆT NAM).

Buộc bà **Lý Minh T** phải có trách nhiệm thanh toán ngay tổng số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu, tạm tính đến ngày 27/6/2024 là: 38.541.250 (ba mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm năm mươi nghìn) đồng, (Trong đó bao gồm: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 20.032.905 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi phát sinh trong hạn) là: 12.055.178 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi quá hạn) là: 5.293.389 đồng; Số tiền lãi chậm trả là: 1.159.778 đồng) của Hợp đồng tín dụng số: 3326530 ký ngày 29/6/2022 cho **Công ty T2** (VIỆT NAM).

Bà **Lý Minh T** phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 28/6/2024 cho đến khi trả hết nợ vay còn thiếu cho **Công ty T2** (VIỆT NAM), theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số: 3326530 ký ngày 29/6/2022.

Kể từ ngày nguyên đơn **Công ty T2** (VIỆT NAM), có đơn yêu cầu thi hành án trở đi, thì người phải thi hành án (bà **Lý Minh T**) còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số: 3326530 ký ngày 29/6/2022, tương ứng với số tiền chưa thanh toán và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà **Lý Minh T** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.927.063 (một triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm sáu mươi ba) đồng.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty T2 (VIỆT NAM) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 723.000 (bảy trăm hai mươi ba nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0042747 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Thúy